

Biểu 02:

BẢNG KÊ LÂM SẢN
(Kèm theo Thông báo số /TB-HKL ngày / /2026 của Hạt Kiểm lâm số 6)

TT	Số hiệu /nhân dấu (Nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			Số lượng (thanh/ tầm/ lóng)	Khối lượng /trọng lượng (m3 hoặc kg, lít,mililit)	Hiện trạng	Địa điểm bảo quản
		Tên tiếng Việt/ tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài	Dài	Rộng	Đường kính hoặc chiều dày				
1		Nghiến			IIA	0,06		40,76	6	0,042	Còn tốt	Kho Hạt Kiểm lâm số 6
2		Nghiến			IIA	1,20		50	1	0,235	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	1,20		50	1	0,235	Còn tốt	
3		Nghiến			IIA	0,06		45	5	0,045	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,07		45	5	0,065	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,22		45	6	0,204	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,23		36	1	0,023	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,24		40	4	0,120	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,18		40	1	0,022	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,22		40	1	0,027	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,24		39	1	0,029	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,45		32	1	0,036	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,58		35	1	0,055	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,48		32	1	0,038	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,45		37	2	0,096	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,45		35	1	0,043	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,43		36	1	0,043	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,45		36	1	0,045	Còn tốt	
4		Nghiến			IIA	2,20	40	4	11	0,385	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	2,20	50	4	1	0,044	Còn tốt	
5		Nghiến			IIA	1,20		55,73	1	0,292	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	1,20		50,96	1	0,244	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,60		55,73	1	0,146	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,65		55,73	1	0,158	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,04		35,03	5	0,019	Còn tốt	
6		Nghiến			IIA	0,85	10	10	1	0,008	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,75	8	8	10	0,040	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,75	10	10	9	0,063	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90	8	8	1	0,005	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,75	7	15	1	0,007	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,80	12	13	1	0,012	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,50	11	20	1	0,011	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	1,20		55	1	0,288	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	1,20		55	1	0,288	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,60		55	1	0,144	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,60		55	1	0,144	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,60		55	1	0,144	Còn tốt	
7		Trai lý			IIA	0,40		34	4	0,144	Còn tốt	
		Trai lý			IIA	3,00	25	6	9	0,405	Còn tốt	
8		Nghiến			IIA	2,05	22	4	1	0,018	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	1,83	24	4	1	0,017	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	2,05	21	4	1	0,017	Còn tốt	
o		Nghiến			IIA	0,50		48	1	0,090	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,50		40	1	0,062	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,50		46	1	0,083	Còn tốt	

TT	Số hiệu /nhân đánh dấu (Nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			Số lượng (thanh/ tám/ lóng)	Khối lượng /trọng lượng (m3 hoặc kg, lít,mililit)	Hiện trạng	Địa điểm bảo quản
		Tên tiếng Việt/ tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài	Dài	Rộng	Đường kính hoặc chiều dày				
7		Nghiến			IIA	0,50		49	1	0,094	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,50		45	1	0,079	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,40		33	3	0,102	Còn tốt	
10		Nghiến			IIA	8,10	12	3	7	0,203	Còn tốt	Kho Hạt Kiểm lâm số 6
		Nghiến			IIA	7,20	12	3	3	0,075	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	5,00	12	3	2	0,036	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	6,60	15	11	2	0,216	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	4,20	13	13	4	0,280	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	3,20	11	11	8	0,304	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	2,10	13	12	4	0,128	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	1,00	13	12	6	0,096	Còn tốt	
11		Nghiến			IIA	0,50	12	12	4	0,028	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	1,25		58	1	0,330	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	1,24		70	1	0,476	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,65		63	1	0,202	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,55		62	1	0,165	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,65		70	1	0,250	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,56		60	1	0,158	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	1,84		48	1	0,332	Còn tốt	
14		Nghiến			IIA	1,86		54	1	0,425	Còn tốt	
	12	Nghiến			IIA	0,06		40	3	0,021	Còn tốt	
	13	Nghiến			IIA	0,44		35	1	0,042	Còn tốt	
		Đinh			IIA	0,76	16	11	1	0,013	Còn tốt	
		Đinh			IIA	0,76	14	13	1	0,013	Còn tốt	
		Đinh			IIA	0,67	12	7	1	0,004	Còn tốt	
		Đinh			IIA	0,36	14	14	1	0,007	Còn tốt	
		Đinh			IIA	0,36	13	12	1	0,005	Còn tốt	
15		Đinh			IIA	0,36	12	12	1	0,005	Còn tốt	
		Đinh			IIA	0,38	10	10	1	0,003	Còn tốt	
		Đinh			IIA	0,36	12	11	1	0,004	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	1,26	10	10	1	0,012	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	1,24	10	10	1	0,012	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	1,26	10	10	1	0,012	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	1,20	10	10	1	0,012	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	1,26	20	10	1	0,025	Còn tốt	
16		Nghiến			IIA	1,00	20	10	1	0,020	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,06		34	1	0,005	Còn tốt	
		Trai lý			IIA	1,23	20	10	1	0,024	Còn tốt	
		Nghiến			IIA				2	0,021	Còn tốt	
		Nghiến			IIA				1	0,005	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,15		40	1	0,018	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,02		40	1	0,002	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	2,70	11	6	21	0,357	Còn tốt	
18		Nghiến			IIA	2,00	11	6	15	0,195	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	1,40	12	6	2	0,020	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	2,50	12	12	1	0,036	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,06		40	1	0,007	Còn tốt	
19		Nghiến			IIA	3,20	25	5,5	38	1,672	Còn tốt	
20		Nghiến			IIA	0,39	17	16	1	0,010	Còn tốt	

TT	Số hiệu /nhân đánh dấu (Nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			Số lượng (thanh/ tám/ lóng)	Khối lượng /trọng lượng (m3 hoặc kg, lít,mililit)	Hiện trạng	Địa điểm bảo quản
		Tên tiếng Việt/ tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài	Dài	Rộng	Đường kính hoặc chiều dày				
21		Nghiến			IIA	0,39	17	15	1	0,009	Còn tốt	Kho Hạt Kiểm lâm số 6
		Nghiến			IIA	0,40	18	16	1	0,011	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,42	18	16	1	0,012	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,40	17	16	1	0,010	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,45	19	18	1	0,015	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,34	17	16	1	0,009	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,40	19	17	1	0,012	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,40	17	14	1	0,009	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,45	18	16	1	0,012	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,45	17	17	1	0,013	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,50	17	16	1	0,013	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,52	18	17	1	0,015	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,44	18	17	1	0,013	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,20		30	1	0,014	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,20		32	1	0,016	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,10		50	1	0,019	Còn tốt	
22		Nghiến			IIA	3,20	25	6	8	0,384	Còn tốt	
23		Nghiến			IIA	0,06		37	65	0,390	Còn tốt	
24		Nghiến			IIA	5,00	16	14	1	0,112	Có hiện tượng nứt, ải	
		Nghiến			IIA	5,50	14	13	1	0,100	Có hiện tượng nứt, ải	
		Nghiến			IIA	4,60	16	14	1	0,103	Có hiện tượng nứt, ải	
		Nghiến			IIA	5,60	16	14	1	0,125	Có hiện tượng nứt, ải	
		Nghiến			IIA	3,30	15	15	1	0,074	Có hiện tượng nứt, ải	
		Nghiến			IIA	0,07		59	1	0,019	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	2,70	25	6,5	4	0,172	Còn tốt	
		Nghiến			IIA				1	0,171	Còn tốt	
25		Nghiến			IIA	0,23		56	1	0,056	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,23		56	1	0,056	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,18		56	1	0,044	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,18		56	1	0,044	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,53		47	1	0,091	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,10		40	1	0,012	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,20		40	1	0,025	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,20		40	1	0,025	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,19		38	1	0,021	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,20		30	1	0,014	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,19		34	1	0,017	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,20		40	1	0,025	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	2,00	12	9	4	0,084	Còn tốt	

TT	Số hiệu /nhân đánh dấu (Nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh và vẹt, các loại ván			Số lượng (thanh/ tám/ lóng)	Khối lượng /trọng lượng (m3 hoặc kg, lít,mililit)	Hiện trạng	Địa điểm bảo quản
		Tên tiếng Việt/ tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài	Dài	Rộng	Đường kính hoặc chiều dày				
		Nghiến			IIA	1,75	29	3	6	0,090	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	1,23	30	3	9	0,099	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	1,35	30	3	13	0,156	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	3,10	24	6	1	0,044	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	3,10	24	6	1	0,044	Còn tốt	
26		Nghiến			IIA	0,055		40	1	0,006	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,055		40	1	0,006	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,060		40	1	0,007	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,060		40	1	0,007	Còn tốt	Kho Hạt Kiểm lâm số 6
		Nghiến			IIA	0,055		40	1	0,006	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,055		40	1	0,006	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,055		40	1	0,006	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,055		40	1	0,006	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,055		40	1	0,006	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,055		40	1	0,006	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,055		40	1	0,006	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,270		35	1	0,025	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,310		35	1	0,029	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,190		35	1	0,018	Còn tốt	
27		Nghiến			IIA	0,300		35	1	0,028	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,060		35	2	0,01	Còn tốt	
28		Nghiến			IIA	0,060		40	6	0,042	Còn tốt	
29		Trai lý			IIA	0,81	22	19	1	0,033	Còn tốt	
		Trai lý			IIA	0,91	21	2	1	0,003	Còn tốt	
		Trai lý			IIA	0,89	22	13	1	0,025	Còn tốt	
		Trai lý			IIA	0,90	19	17	1	0,029	Còn tốt	
		Trai lý			IIA	0,88	19	17	1	0,028	Còn tốt	
		Trai lý			IIA	0,86	19	17	1	0,027	Còn tốt	
		Trai lý			IIA	0,83	22	22	1	0,04	Còn tốt	
		Trai lý			IIA	0,74	19	10	1	0,014	Còn tốt	
		Trai lý			IIA	0,71	20	11	1	0,015	Còn tốt	
		Trai lý			IIA	0,74	23	20	1	0,034	Còn tốt	
		Trai lý			IIA	0,97	19	16	1	0,029	Còn tốt	
		Trai lý			IIA	0,98	16	16	1	0,025	Còn tốt	
		Trai lý			IIA	0,74	24	23	1	0,04	Còn tốt	
		Trai lý			IIA	0,74	22	19	1	0,03	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,35	20	10	1	0,007	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,35	34	4	1	0,004	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,40	30	11	1	0,013	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,41	39	5	1	0,007	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,42	38	6	1	0,009	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,18		12	1	0,012	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,050		35	1	0,004	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,26		32	1	0,02	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,26		26	1	0,013	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,26		25	1	0,012	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,25		26	1	0,013	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,25		26	1	0,013	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,26		32	1	0,02	Còn tốt	

TT	Số hiệu /nhân đánh dấu (Nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			Số lượng (thanh/ tám/ lóng)	Khối lượng /trọng lượng (m3 hoặc kg, lít,mililit)	Hiện trạng	Địa điểm bảo quản
		Tên tiếng Việt/ tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài	Dài	Rộng	Đường kính hoặc chiều dày				
		Nghiến			IIA	0,29		32	1	0,023	Còn tốt	Kho Hạt Kiểm lâm số 6
		Nghiến			IIA	0,02		40	1	0,002	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,24		25	1	0,011	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,28		21	1	0,009	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,26		26	1	0,013	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,25		27	1	0,014	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,26		27	1	0,014	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,31		29	1	0,02	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,28		25	1	0,013	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,26		31	1	0,019	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,22		21	1	0,007	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,04		32	1	0,003	Còn tốt	
		Nghiến			IIA				1	0,024	Còn tốt	
		Nghiến			IIA				1	0,002	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,44		20	1	0,013	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,06		33	1	0,005	Còn tốt	
		Nghiến			IIA				1	0,019	Còn tốt	
30		Nghiến			IIA	0,523		18	1	0,013	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,86		40	1	0,108	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90		27	1	0,051	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90		32	1	0,072	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90		39	1	0,107	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90		35	1	0,086	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90		41	1	0,118	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90		39	1	0,107	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90		36	1	0,091	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90		42	1	0,124	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90		30	1	0,063	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90		32	1	0,072	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90		35	1	0,086	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90		35	1	0,086	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90		33	1	0,076	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,85		33	1	0,072	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90		32	1	0,072	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90		33	1	0,076	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90		34	1	0,081	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90		35	1	0,086	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90		40	1	0,113	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90		37	1	0,096	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90		30	1	0,063	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90		32	1	0,072	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90		34	1	0,081	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90		32	1	0,072	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90		33	1	0,076	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90		34	1	0,081	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,90		33	1	0,076	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,75		30	1	0,052	Còn tốt	
31		Nghiến			IIA	0,135		48	1	0,024	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,06		40	1	0,007	Còn tốt	

TT	Số hiệu /nhân đánh dấu (Nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			Số lượng (thanh/ tám/ lóng)	Khối lượng /trọng lượng (m3 hoặc kg, lít,mililit)	Hiện trạng	Địa điểm bảo quản
		Tên tiếng Việt/ tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài	Dài	Rộng	Đường kính hoặc chiều dày				
32		Nghiến			IIA	0,06		40	1	0,007	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,05		30	1	0,003	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,71		50	1	0,139	Còn tốt	
33		Nghiến			IIA	0,73		47	1	0,126	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,70		47	1	0,121	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,70		46	1	0,116	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,76		46	1	0,126	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	3,10		30	1	0,219	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	2,92		28	1	0,179	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,30		40	1	0,037	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,30		36	1	0,03	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,80		37	1	0,085	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,46		28	1	0,028	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,68		30	1	0,048	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	1,25		36	1	0,127	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,26		37	1	0,027	Còn tốt	Kho Hạt Kiểm lâm số 6
		Nghiến			IIA	1,26		33	1	0,107	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,77		34	1	0,069	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	1,26		39	1	0,15	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,76		37	1	0,081	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,80		36	1	0,081	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,70		36	1	0,071	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,48		38	1	0,054	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,79		35	1	0,075	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,75		35	1	0,072	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,46		27	1	0,026	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,70		39	1	0,083	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	1,28		36	1	0,13	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,85		37	1	0,091	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,72		37	1	0,077	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	1,47		30	1	0,103	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,75		34	1	0,068	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,93		36	1	0,094	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,93		33	1	0,079	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,93		34	1	0,084	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,93		33	1	0,079	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,93		37	1	0,099	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,95		38	1	0,107	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,95		36	1	0,096	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,76		43	1	0,11	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,74		44	1	0,112	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,87		34	1	0,078	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,93		34	1	0,084	Còn tốt	
34		Nghiến			IIA	0,06		40	1	0,007	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,06		40	1	0,007	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,06		40	1	0,007	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	0,06		40	1	0,007	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	1,0	22	15	5	0,165	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	1,0	27	15	1	0,040	Còn tốt	

TT	Số hiệu /nhân đánh dấu (Nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			Số lượng (thanh/ tám/ lóng)	Khối lượng /trọng lượng (m3 hoặc kg, lít,mililit)	Hiện trạng	Địa điểm bảo quản
		Tên tiếng Việt/ tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài	Dài	Rộng	Đường kính hoặc chiều dày				
35		Nghiến			IIA	1,0	30	15	1	0,045	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	2,30	23	7	1	0,037	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	2,30	23	4	1	0,021	Còn tốt	
36		Nghiến			IIA	2,90	12	9	1	0,124	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	2,90	25	3,5	1	0,050	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	2,90	24	3,5	1	0,048	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	2,90	25,5	3,5	1	0,025	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	2,90	20	3,5	1	0,02	Còn tốt	
37		Nghiến			IIA	2,29	40	4	1	0,036	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	2,20	40	4	1	0,035	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	2,29	40	4	1	0,036	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	2,20	40	4	1	0,035	Còn tốt	
		Nghiến			IIA	2,29	50	4	1	0,045	Còn tốt	
Cộng:									576	22,015		

Ghi chú:

Tổng số lâm sản có trong bảng kê gồm: 576 thanh, khúc, tám gỗ quý, hiếm nhóm IIA (Nghiến, Trai lý, Đinh), khối lượng 22,015 m3, trong đó: Gỗ Nghiến 540 thanh, khúc, tám khối lượng 21,015 m3; gỗ Trai lý 28 thanh, khúc khối lượng 0,945 m3; gỗ Đinh 08 thanh, khối lượng 0,055 m3.